

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 01

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 60 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118070	Lê Hồng Anh	DH13CC							0001234567890	0123456789
2	14118002	Lê Văn Thế Anh	DH14CC			3,2	4,5		7,8	0001234567890	0123456789
3	14118317	Phạm Ngọc Châu	DH14CC			3,0	3,0		6,0	0001234567890	0123456789
4	14118009	Nguyễn Minh Chiến	DH14CC			3,1	3,0		6,1	0001234567890	0123456789
5	14118118	Phạm Đức Công	DH14CC			3,1	3,3		7,0	0001234567890	0123456789
6	13118089	Bùi Thanh Cường	DH13CC			2,8	3,3		6,7	0001234567890	0123456789
7	13118092	Phạm Hùng Cường	DH13CC			2,8	4,2		7,0	0001234567890	0123456789
8	13118101	Đoàn Quốc Dũng	DH13CC			3,2	3,3		7,1	0001234567890	0123456789
9	14118011	Nguyễn Anh Duy	DH14CC			3,4	4,5		7,3	0001234567890	0123456789
10	14118012	Phạm Đăng Duy	DH14CC			3,0	4,5		7,5	0001234567890	0123456789
11	13118009	Nguyễn Văn Dư	DH13CC			3,1	3,3		7,0	0001234567890	0123456789
12	14118132	Nguyễn Võ Tri Dương	DH14CK			3,3	2,1		5,6	0001234567890	0123456789
13	14118014	Nguyễn Bảo Đàm	DH14CC			3,3	4,2		7,5	0001234567890	0123456789
14	14118135	Nguyễn Phát Đạt	DH14CC			2,9	3,3		6,8	0001234567890	0123456789
15	14118137	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC			3,2	3,3		7,1	0001234567890	0123456789
16	13118113	Phạm Thánh Đạt	DH13CC							0001234567890	0123456789
17	14118139	Phạm Thánh Đạt	DH14CC							0001234567890	0123456789
18	14118148	Cao Thanh Giang	DH14CC			3,1	4,2		4,3	0001234567890	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 01

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 60 %	Đ2 60 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14118021	Đỗ Kỳ Hà	DH14CC			3,2	4,8		3,0	○○○12345678910	●123456789
20	13118014	Bùi Văn Hào	DH13CC			3,2	4,2		7,4	○○○12345678910	○123456789
21	14118154	Lê Doãn Hào	DH14CC			3,8	4,8		8,6	○○○12345678910	○123456789
22	13118133	Nguyễn Hoàng Hào	DH13CK			3,2	4,2		7,4	○○○12345678910	○123456789
23	14118160	Võ Đức Hiệp	DH14CC			3,2	3,0		6,2	○○○12345678910	○123456789
24	13118138	Nguyễn Văn Hiếu	DH13CC			3,1	4,2		7,3	○○○12345678910	○123456789
25	14118158	Vũ Văn Hiếu	DH14CK			2,7	3,3		6,0	○○○12345678910	●123456789
26	14118167	Nguyễn Văn Hòa	DH14CC			2,6	2,7		5,3	○○○12345678910	○123456789
27	14118168	Nguyễn Thái Học	DH14CK	—						●○○12345678910	○123456789
28	14118029	Đào Văn Huy	DH14CC	—						●○○12345678910	○123456789
29	14118031	Nguyễn Trường Huy	DH14CC			3,0	3,6		6,6	○○○12345678910	○123456789
30	13118161	Hoàng Phạm Thanh Huỳnh	DH13CK			3,2	4,2		7,4	○○○12345678910	○123456789
31	14118178	Trần Ngọc Hưng	DH14CC			3,6	5,6		9,0	○○○12345678910	●123456789
32	14118181	Phạm Duy Khanh	DH14CC			3,2	3,9		7,1	○○○12345678910	○123456789
33	13118186	Đào Xuân Khôi	DH13CK			3,1	2,7		5,8	○○○12345678910	○123456789
34	14118187	Nguyễn Hữu Khôi	DH14CC	—						●○○12345678910	○123456789
35	13118194	Lê Hoàng Lễ	DH13CC			3,1	3,3		6,4	○○○12345678910	○123456789
36	14118191	Trần Hoài Linh	DH14CK			3,0	2,1		5,1	○○○12345678910	○123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 01

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 60 %	D2 60 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	14118021	Đỗ Kỳ Hà	DH14CC			3,2	4,8		8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	13118014	Bùi Văn Hào	DH13CC			3,2	4,2		7,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	14118154	Lê Doãn Hào	DH14CC			3,8	4,8		8,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	13118133	Nguyễn Hoàng Hào	DH13CK			3,2	4,2		7,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	14118160	Vô Đức Hiệp	DH14CC			3,2	3,0		6,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	13118138	Nguyễn Văn Hiến	DH13CC			3,1	4,2		7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	14118158	Vũ Văn Hiến	DH14CK			2,7	3,3		6,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	14118167	Nguyễn Văn Hóa	DH14CC			2,6	2,7		5,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	14118168	Nguyễn Thái Học	DH14CK	—						●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	14118029	Đào Văn Huy	DH14CC	—						●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	14118031	Nguyễn Trường Huy	DH14CC			3,0	3,6		6,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	13118161	Hoàng Phạm Thanh Huýnh	DH13CK			3,2	4,2		7,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	14118178	Trần Ngọc Hưng	DH14CC			3,6	5,4		9,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	14118181	Phạm Duy Khanh	DH14CC			3,2	3,3		7,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	13118186	Đào Xuân Khôi	DH13CK			3,1	2,7		5,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	14118187	Nguyễn Hữu Khôi	DH14CC	—						●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	13118194	Lê Hoàng Lễ	DH13CC			3,1	3,3		6,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	14118191	Trần Hoài Linh	DH14CK			3,0	2,1		5,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 01

CBGD; Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 60%	D2 60%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
37	14118193	Trần Như Long	DH14CC	<i>Long</i>		3,2	3,6		6,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	14118040	Hoàng Vương Nam	DH14CC	<i>Nam</i>		3,2	4,2		7,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	12118064	Nguyễn Thái Ngọc	DH12CK							⑤●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	14118206	Lê Từ Nguyên	DH14CC	<i>Nguyen</i>		3,0	2,7		5,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	14118208	Vô Tấn Nguyên	DH14CC	<i>Ng</i>		3,2	3,3		6,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	14118045	Trần Trọng Nhân	DH14CC	<i>Nhân</i>		2,8	3,0		5,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	14118046	Nguyễn Phúc Bảo Nhi	DH14CC	<i>Nh</i>		3,2	4,5		7,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	14118215	Vô Tấn Phát	DH14CC	<i>Phat</i>		2,3	2,4		5,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
45	13118230	Cao Hoàng Phi	DH13CK	<i>Phi</i>		3,3	4,2		7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
46	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC	<i>Phong</i>		2,6	0		2,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
47	14118219	Trần Nguyễn Hoàng Phú	DH14CC	<i>Phu</i>		2,9	3,3		6,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
48	14118228	Trần Hữu Phước	DH14CC							③●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
49	13118041	Lê Minh Phương	DH13CK	<i>Phu</i>		3,6	4,8		8,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
50	14118059	Lê Văn Quyền	DH14CC	<i>Quy</i>		2,9	3,6		6,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
51	13118249	Tạ Văn Quyền	DH13CK	<i>Quy</i>		3,6	4,5		7,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
52	13118045	Nguyễn Văn Sang	DH13CK							③●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
53	14118238	Trương Tuấn Sang	DH14CC	<i>Qu</i>		3,5	2,4		5,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
54	14118243	Nguyễn Thế Sơn	DH14CC	<i>Son</i>		3,2	3,9		7,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 01

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

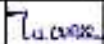
STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 60%	D2 60%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
55	14118245	Nguyễn Văn Tài	DH14CK	—	—					●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
56	13118269	Võ Minh Tây	DH13CK	Tay		3,6	4,5		8,1	○①①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
57	14118254	Nguyễn Hữu Thái	DH14CC	Thái		3,1	4,2		7,3	○①①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
58	14118256	Nguyễn Quốc Thắng	DH14CC	—	—					●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
59	14118265	Nguyễn Quốc Thịnh	DH14CC	—	—					●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
60	14118268	Nguyễn Nhật Thông	DH14CK	—	—					●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
61	13118290	Phạm Quốc Thuyền	DH13CK	Thuyền		3,1	4,2		7,3	○①①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
62	14118274	Trần Văn Thương	DH14CC	Th.		3,4	5,1		8,5	○①①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
63	13118298	Nguyễn Văn Tiên	DH13CC	tw		3,0	3,3		6,3	○①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
64	14118074	Phạm Đình Tiến	DH14CC	Ph		2,5	4,5		4,0	○①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
65	13118056	Võ Đức Tiên	DH13CC	Đt		3,2	4,2		7,4	○①①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
66	13118301	Lê Đức Tín	DH13CC	L		3,1	4,5		7,6	○①①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
67	13118306	Nguyễn Chu Toàn	DH13CC	—	—					●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
68	14118080	Cao Văn Trình	DH14CC	Ch		2,6	3,6		6,2	○①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
69	13118060	Phạm Quang Trung	DH13CK	—	—					●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
70	13118326	Nguyễn Nhựt Trường	DH13CC	—	—					●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
71	14118092	Nguyễn Hoàng Anh Tú	DH14CC	Th		3,2	3,3		6,5	○①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
72	14118296	Nguyễn Duy Tuấn	DH14CC	Đt		2,5	4,5		7,0	○①①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 01

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 60%	Đ2 60%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
73	14118319	Lê Anh Tuấn	DH14CC			3,2	2,4		5,6	○○○1234●6789●	○○12345●789
74	13118334	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC			3,8	5,1		8,9	○○○1234567●9●	○○12345678●
75	14118310	Trần Hữu Vinh	DH14CC							●○○123456789●	○○123456789
76	14118094	Lê Minh Vồ	DH14CC			3,2	4,2		7,4	○○○123456●89●	○○123●56789
77	13118353	Hoàng Đức Vũ	DH13CC							●○○123456789●	○○123456789
78	13118354	Lê Lương Tuấn Vũ	DH13CC			3,2	2,7		5,9	○○○1234●6789●	○○12345678●
79	13118066	Nguyễn Thế Vũ	DH13CC			3,0	3,3		6,3	○○○12345●789●	○○12345678●
80	14118095	Nguyễn Quốc Vương	DH14CK			3,1	2,4		5,5	○○○1234●6789●	○○1234●6789

Số lượng vắng: 18

Hiện diện: 62

Cán bộ coi thi 1

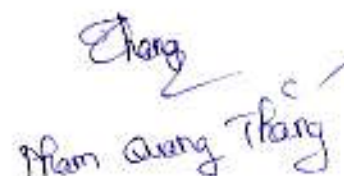
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Võ Thanh Triều


Phạm Quang Thắng

Hoc kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 60%	D2 60%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118001	Bùi Văn An	DH14CK							001234567890	0123456789
2	13118074	Võ Đặng Phạm	DH13CC			3,1	3,3		6,4	001234567890	0123456789
3	13118075	Vũ Văn	DH13CC			3,4	4,8		8,2	001234567890	0123456789
4	14118102	Hồ Chí	DH14CK							001234567890	0123456789
5	14118103	Nguyễn Hoài	DH14CK							001234567890	0123456789
6	14118108	Trần Văn	DH14CK							001234567890	0123456789
7	14118109	Đào Hữu	DH14CK							001234567890	0123456789
8	14118007	Võ Văn	DH14CK							001234567890	0123456789
9	14118117	Lê Tiến	DH14CK			2,7	3,6		6,3	001234567890	0123456789
10	14118122	Nguyễn	DH14CK			2,9	4,2		7,1	001234567890	0123456789
11	12118019	Hồ Tấn	DH12CK			3,0	3,3		6,3	001234567890	0123456789
12	13118097	Nguyễn Hoàng	DH13CK			2,8	3,3		6,1	001234567890	0123456789
13	14118128	Nguyễn Văn	DH14CK							001234567890	0123456789
14	14118134	Nguyễn Văn	DH14CK							001234567890	0123456789
15	13118109	Phạm	DH13CC			2,7	3,9		6,6	001234567890	0123456789
16	13118110	Phạm Minh	DH13CC			3,1	4,2		7,3	001234567890	0123456789
17	14118017	Nguyễn Thanh	DH14CK							001234567890	0123456789
18	14118141	Trần Văn	DH14CK			2,8	3,3		6,1	001234567890	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 03

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 60%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13118012	Trần Vũ Tài Đức	DH13CC							001234567890	0123456789
20	12118033	Đỗ Văn Hải	DH12CC			2,0	3,6	5,6		001234567890	0123456789
21	14118025	Lê Quang Hiền	DH14CK			2,7	3,3	6,0		001234567890	0123456789
22	14118166	Võ Văn Hòa	DH14CK			2,6	3,0	5,6		001234567890	0123456789
23	14118027	Nguyễn Đại Hoàng	DH14CK			2,8	3,6	6,4		001234567890	0123456789
24	14118177	Phạm Ngọc Hưng	DH14CK			3,0	2,1	5,1		001234567890	0123456789
25	13118021	Lương Phan Bá Khỏe	DH13CK			2,6	3,3	5,9		001234567890	0123456789
26	14118034	Đinh Đức Kiên	DH14CK			2,8	3,0	5,8		001234567890	0123456789
27	13118199	Đào Huy Long	DH13CK			3,6	4,2	7,6		001234567890	0123456789
28	14118192	Lê Thành Long	DH14CK			2,9	6,2	7,1		001234567890	0123456789
29	13118205	Nguyễn Bá Máy	DH13CK			3,3	4,2	7,5		001234567890	0123456789
30	14118198	Mai Văn Minh	DH14CK			3,2	4,8	8,0		001234567890	0123456789
31	14118044	Cao Hữu Nhân	DH14CK			3,0	2,1	5,1		001234567890	0123456789
32	14118214	Nguyễn Xuân Phát	DH14CK							001234567890	0123456789
33	14118218	Phạm Thanh Phong	DH14CK							001234567890	0123456789
34	14118052	Châu Hoàng Phúc	DH14CK			2,9	3,6	6,5		001234567890	0123456789
35	14118053	Ngô Tấn Phúc	DH14CK							001234567890	0123456789
36	14118226	Nguyễn Tấn Phước	DH14CK			4,0	5,4	9,4		001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 204309

Trang 3/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 03

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 60%	D2 60%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
37	14118222	Nguyễn Thành Phương	DH14CC			2,3	3,3		5,6	0012345678910	0123456789
38	14118223	Phạm Hoàng Phương	DH14CK							0012345678910	0123456789
39	13118044	Nguyễn Như Quỳnh	DH13CK			2,3	3,6		6,5	0012345678910	0123456789
40	14118236	Nguyễn Văn Sang	DH14CK							0012345678910	0123456789
41	14118240	Trịnh Văn Sơn	DH14CK							0012345678910	0123456789
42	14118246	Trần Văn Tài	DH14CK			2,6	3,3		5,9	0012345678910	0123456789
43	14118062	Đỗ Văn Tàu	DH14CK			3,0	2,6		5,6	0012345678910	0123456789
44	14118067	Nguyễn Kiều Minh	DH14CK							0012345678910	0123456789
45	13118285	Nguyễn Phú Thịnh	DH13CK							0012345678910	0123456789
46	14118070	Đinh Trọng Thọ	DH14CK							0012345678910	0123456789
47	14118266	Phan Minh Thoại	DH14CK			2,3	3,0		5,3	0012345678910	0123456789
48	13118313	Đặng Xuân Trọng	DH13CK			3,6	4,5		8,1	0012345678910	0123456789
49	14118293	Lê Văn Trùng	DH14CK							0012345678910	0123456789
50	14118087	Nguyễn Minh Tuấn	DH14CK			3,0	2,6		5,6	0012345678910	0123456789
51	13118332	Lê Quốc Tuấn	DH13CK			3,1	4,8		7,9	0012345678910	0123456789
52	13118338	Phạm Minh Tuấn	DH13CC			1,0	3,0		4,0	0012345678910	0123456789
53	14118312	Hà Thành Vĩ	DH14CK			2,3	4,5		7,4	0012345678910	0123456789
54	14118093	Trần Phước Vinh	DH14CK							0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 03

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 60%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
55	14118311	Trần Xuân Vinh	DH14CK			3,5	4,8		8,3	0012345678910	0123456789
56	14118314	Lương Trọng Vũ	DH14CK			2,8	4,2		7,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 21

Hiện diện: 35

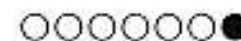
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 001_DH15CC_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 06/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD303

Giảng viên:Phạm Quang Thắng

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 40 %	D2 60 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13137008	Vũ Tuấn Anh	DH13NL			2,2	2,6		4,8	0012345678910	0123456789
2	13154083	Phan Văn Châu	DH13OT							0012345678910	0123456789
3	13118089	Bùi Thanh Cường	DH13CC			2,9	3,8		6,7	0012345678910	0123456789
4	13115018	Lê Thị Duyên	DH13CB							0012345678910	0123456789
5	15138017	Hồ Thanh Dương	DH15TD			3,8	4,8		8,6	0012345678910	0123456789
6	15118023	Nguyễn Minh Dương	DH15CC			3,3	4,2		7,5	0012345678910	0123456789
7	13153063	Trần Văn	DH13CD			3,0	3,0		6,0	0012345678910	0123456789
8	15118011	Lê Văn Đại	DH15CC			3,4	4,5		7,9	0012345678910	0123456789
9	13153004	Trương Nguyễn Tiến Đạt	DH13CD							0012345678910	0123456789
10	13153077	Trương Công Định	DH13CD			0,8	0,3		1,1	0012345678910	0123456789
11	14118018	Trần Phương Đông	DH14CK			3,7	3,0		6,7	0012345678910	0123456789
12	15118029	Nguyễn Ngọc Hải	DH15CC			2,9	5,6		8,5	0012345678910	0123456789
13	15118030	Nguyễn Ngọc Hân	DH15CC							0012345678910	0123456789
14	15118033	Đào Trung Hiếu	DH15CC							0012345678910	0123456789
15	15118034	Hoàng Anh Hiếu	DH15CC			2,9	4,1		7,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204192



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 001_DH15CC_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 06/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD303

Giảng viên: Phạm Quang Thắng

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 60%	D2 60%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13137068	Lê Văn Hùng	DH13NL			3,2	4,1		7,3	0012345678910	0123456789
17	13115235	Nguyễn Mạnh Hùng	DH13CB			2,6	2,3		4,9	0012345678910	0123456789
18	13334081	Nguyễn Bá Huy	CD13CI							0012345678910	0123456789
19	13138006	Đào Thanh Hữu	DH13TD			2,9	3,2		6,1	0012345678910	0123456789
20	12154066	Trần Công Khang	DH12OT							0012345678910	0123456789
21	15118044	Huỳnh Quốc Khanh	DH15CC			2,4	2,1		4,5	0012345678910	0123456789
22	15138032	Nguyễn Văn Khê	DH15TD			4,0	5,1		9,1	0012345678910	0123456789
23	13137081	Vũ Đình Nguyễn Khương	DH13NL			2,7	4,4		7,1	0012345678910	0123456789
24	13138098	Vũ Văn Khương	DH13TD			3,1	2,9		6,0	0012345678910	0123456789
25	13118022	Trần Anh Kiệt	DH13CC			2,8	5,0		7,8	0012345678910	0123456789
26	13153138	Trần Quang Kỳ	DH13CD							0012345678910	0123456789
27	13137083	Chu Bá Hoàng Lâm	DH13NL			1,7	4,2		5,9	0012345678910	0123456789
28	15154030	Nguyễn Duy Linh	DH15OT			2,8	3,3		6,1	0012345678910	0123456789
29	13153011	Chu Văn Long	DH13CD			3,2	3,6		6,8	0012345678910	0123456789
30	15118059	Trương Minh Luân	DH15CC			3,1	6,1		7,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204192



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 001_DH15CC_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 06/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD303

Giảng viên: Phạm Quang Thắng

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trung 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 60%	D2 60%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13138117	Nguyễn Quốc Mạnh	DH13TD			2,8	3,6		6,4	00012345678910	00123456789
32	15118064	Nguyễn Đức Minh	DH15CC			3,2	2,3		5,5	00012345678910	00123456789
33	13153152	Đặng Hoàng Nam	DH13CD			1,7	3,8		3,5	00012345678910	00123456789
34	14137004	Nguyễn Hoài Nam	DH14NL							00012345678910	00123456789
35	14118044	Cao Hữu Nhân	DH14CK			3,4	3,6		7,0	00012345678910	00123456789
36	13153164	Lưu Ngọc Nhân	DH13CD			2,7	2,3		5,6	00012345678910	00123456789
37	12154147	Phạm Huỳnh Đạt	DH12OT							00012345678910	00123456789
38	14153040	Phạm Thị Nhân	DH14CD			3,1	3,3		6,4	00012345678910	00123456789
39	15118077	Nguyễn Minh Nhựt	DH15CC			2,8	4,1		6,9	00012345678910	00123456789
40	13137102	Trần Minh Nhựt	DH13NL			2,7	3,6		6,3	00012345678910	00123456789

Số sinh viên dự thi: 30. Số sinh viên vắng: 10

Ngày 13 Tháng 01 Năm 2017

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Quang Thắng

Cao Đức Lợi

TS. Võ Thanh Tiến

Phạm Quang Thắng

Phạm Quang Thắng

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121)- 002 DH15CC 03

Số Típ Ch 2

Ngày Thi: 06/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phỏng Thi RD106

Giảng viên:Phạm Quang Thắng

Lên

DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 40 %	D2 60 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13137103	Nguyễn Tăng Phát	DH13NL			2,3	1,7		4,0	0012345678910	0123456789
2	15118079	Nguyễn Thanh Phong	DH15CC			3,1	3,3		6,4	0012345678910	0123456789
3	13137109	Bùi Văn Phúc	DH13NL			2,6	2,4		5,0	0012345678910	0123456789
4	13118240	Huỳnh Hữu Phước	DH13CC							0012345678910	0123456789
5	11153009	Võ Minh Phương	DH11CD			2,3	1,5		3,8	0012345678910	0123456789
6	13153017	Hồ Văn Quang	DH13CD			2,3	3,0		5,3	0012345678910	0123456789
7	13154161	Thượng Minh Quang	DH13OT			2,7	1,5		4,2	0012345678910	0123456789
8	13153186	Trần Minh Quang	DH13CD			2,5	1,5		4,0	0012345678910	0123456789
9	14118056	Đinh Hồng Quân	DH14CK							0012345678910	0123456789
10	13154048	Phạm Hữu Quý	DH13OT			2,8	2,3		5,7	0012345678910	0123456789
11	15118085	Võ Văn Quốc	DH15CC			2,6	2,1		4,7	0012345678910	0123456789
12	15118087	Nguyễn Thanh Sơn	DH15CC			3,6	2,0		5,6	0012345678910	0123456789
13	15118091	Phạm Tấn Tài	DH15CC			2,8	2,4		5,2	0012345678910	0123456789
14	15118097	Vũ Trung Thành	DH15CC			3,0	1,2		4,2	0012345678910	0123456789
15	13137130	Lương Tấn Thạnh	DH13NL			2,7	2,1		4,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204193



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm **Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002_DH15CC_03**

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 06/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD106

Giảng viên: Phạm Quang Thắng

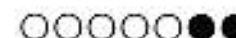
Lớp **DH15OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40 %	D2 60 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15154054	Nguyễn Văn Thảo	DH15OT			3,5	2,9		6,4	00012345678910	00123456789
17	12153144	Lưu Thế Thắng	DH12CD							00012345678910	00123456789
18	15154053	Son Ngọc	DH15OT			3,4	1,2		4,6	00012345678910	00123456789
19	13334189	Đặng Tuấn Thi	CD13CI			1,1	1,2		2,3	00012345678910	00123456789
20	13137133	Nguyễn Đại Thiên	DH13NL			2,3	3,3		5,6	00012345678910	00123456789
21	13137135	Trần Hoàng Thiên	DH13NL			2,6	2,3		5,3	00012345678910	00123456789
22	15154058	Lê Đoàn Trường	DH15OT			2,5	0,6		3,1	00012345678910	00123456789
23	13154183	Nguyễn Văn Thơm	DH13OT			3,5	6,5		8,0	00012345678910	00123456789
24	15118108	Lê Trung Tĩnh	DH15CC			2,6	3,5		6,1	00012345678910	00123456789
25	13153238	Mai Thanh Tĩnh	DH13CD			2,1	1,7		3,8	00012345678910	00123456789
26	13118306	Nguyễn Chu Toàn	DH13CC			3,3	2,3		5,6	00012345678910	00123456789
27	13118307	Nguyễn Triệu Toàn	DH13CK			4,0	3,6		7,6	00012345678910	00123456789
28	13137147	Phạm Thế Toàn	DH13NL			2,7	2,6		5,3	00012345678910	00123456789
29	13154062	Huỳnh Quang Trọng	DH13OT			1,7	2,3		4,0	00012345678910	00123456789
30	13334219	Nguyễn Văn Triều	CD13CI			1,9	2,3		4,2	00012345678910	00123456789



Mã nhận dạng 204193



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002_DH15CC_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 06/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD106

Giảng viên: Phạm Quang Thắng

Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 60 %	D2 60 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13118313	Đặng Xuân Trọng	DH13CK			3,4	2,6		6,0	0012345678910	0123456789
32	13334226	Đặng Trung	CD13CI			1,9	2,3		4,2	0012345678910	0123456789
33	13118331	Hoàng Văn Tuấn	DH13CC			2,3	2,7		5,0	0012345678910	0123456789
34	15118130	Huỳnh Tấn Vàng	DH15CC			3,4	2,1		5,5	0012345678910	0123456789
35	13334244	Lê Quang Vinh	CD13CI			2,6	2,4		5,0	0012345678910	0123456789
36	13115475	Trương Xuân Vinh	DH13CB			2,9	0,6		3,5	0012345678910	0123456789
37	13154070	Nguyễn Vũ Hoàng Vũ	DH13OT							0012345678910	0123456789
38	15118135	Bùi Nhật Vượng	DH15CC			3,1	2,0		5,1	0012345678910	0123456789
39	13138023	Trần Văn Vượng	DH15TD			3,7	2,3		6,0	0012345678910	0123456789
40	13115485	Lê Nguyễn Hoàng Yên	DH13CB			3,4	1,5		4,9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 36. Số sinh viên vắng: 4.

Ngày 13 Tháng 02 Năm 2017

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: ƯD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50 %	Đ2 50 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118104	Nguyễn Tấn Bảo	DH14CC			—	—			001234567890	0123456789
2	14154005	Nông Chí Bảo	DH14OT			—	—			001234567890	0123456789
3	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC			—	—			001234567890	0123456789
4	14153006	Hồ Nguyễn Văn Cảnh	DH14CD			3,5	4,0		7,5	001234567890	0123456789
5	14118317	Phạm Ngọc Châu	DH14CC			3,3	4,0		7,3	001234567890	0123456789
6	14118009	Nguyễn Minh Chiến	DH14CC			3,7	3,8		7,5	001234567890	0123456789
7	14118117	Lê Tiến Công	DH14CK			—	—			001234567890	0123456789
8	14118011	Nguyễn Anh Duy	DH14CC			3,2	4,3		7,5	001234567890	0123456789
9	14118128	Nguyễn Văn Duy	DH14CK			—	—			001234567890	0123456789
10	14118137	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC			4,5	6,3		8,8	001234567890	0123456789
11	14118139	Phạm Thành Đạt	DH14CC			—	—			001234567890	0123456789
12	14118019	Nguyễn Hùng Giang	DH14CC			—	—			001234567890	0123456789
13	14118021	Đỗ Ký Hà	DH14CC			4,1	6,5		8,6	001234567890	0123456789
14	14154017	Lê Minh Hải	DH14OT			3,4	6,0		7,4	001234567890	0123456789
15	14118154	Lê Đoàn Hào	DH14CC			4,2	4,3		8,5	001234567890	0123456789
16	14118160	Võ Đức Hiệp	DH14CC			3,8	4,5		8,3	001234567890	0123456789
17	14118029	Đào Văn Huy	DH14CC			—	—			001234567890	0123456789
18	14154022	Nguyễn Khánh Huy	DH14OT			3,3	3,8		7,1	001234567890	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: ỨD tin học trong thiết kế máy (20712S) - 01

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1	D2	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
							50 %	50 %				
19	14118031	Nguyễn Trường	Huy	DH14CC			3,4	3,8		7,2	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	14118178	Trần Ngọc	Hưng	DH14CC			4,0	4,5		8,5	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
21	14154027	Cao Hoàng	Khanh	DH14OT			—	—			●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	14154030	Đỗ Đức	Linh	DH14OT			3,8	4,0		7,8	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
23	14118040	Hoàng Vương	Nam	DH14CC			4,3	4,5		8,8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
24	14153032	Nguyễn Thanh	Nam	DH14CD			3,8	4,0		7,8	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
25	14118206	Lê Từ	Nguyễn	DH14CC			3,6	3,8		7,4	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
26	14118208	Võ Tấn	Nguyễn	DH14CC			—	—			●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	14153039	Nguyễn Văn	Nhân	DH14CD			4,7	4,0		8,7	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
28	14118045	Trần Trọng	Nhân	DH14CC			—	—			●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	14118047	Nguyễn Hữu	Phát	DH14CC			—	—			●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	14118048	Bùi Hoàng	Phong	DH14CC			—	—			●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	14118228	Trần Hữu	Phước	DH14CC			—	—			●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	14118222	Nguyễn Thành	Phuong	DH14CC			3,4	3,8		7,2	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	14118059	Lê Văn	Quyển	DH14CC			—	—			●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	14118238	Trương Tuấn	Sang	DH14CC			3,6	4,3		7,9	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
35	14118243	Nguyễn Thế	Son	DH14CC			4,0	4,0		8,0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	14153117	Phạm Quốc	Sỹ	DH14CD			—	—			●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 50%	D2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	14153123	Đỗ Hồng Thái	DH14CD			3,6	4,0		7,6	0012345678910	0123456789
38	14154052	Lê Cao Thắng	DH14OT			3,6	4,0		7,6	0012345678910	0123456789
39	14118074	Phạm Đình Tiến	DH14CC			—	—			0012345678910	0123456789
40	14118080	Cao Văn Trinh	DH14CC			3,6	4,5		8,1	0012345678910	0123456789
41	14154160	Vũ Duy Tú	DH14OT			4,0	4,0		8,0	0012345678910	0123456789
42	14118296	Nguyễn Duy Tuấn	DH14CC			3,3	4,3		7,6	0012345678910	0123456789
43	14153060	Nguyễn Công Tường	DH14CD			3,9	4,0		7,9	0012345678910	0123456789
44	14118310	Trần Hữu Vinh	DH14CC			—	—			0012345678910	0123456789
45	14118311	Trần Xuân Vinh	DH14CK			4,5	4,0		8,5	0012345678910	0123456789
46	14118094	Lê Minh Vũ	DH14CC			—	—			0012345678910	0123456789
47	14118095	Nguyễn Quốc Vương	DH14CK			—	—			0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 20

Hiện diện: 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Văn Tiến

Phạm Quang Thắng

Phạm Quang Thắng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 02

CBGD: Phạm Quang Thống (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 50%	D2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	14153065	Lê Ngọc Ân	DH14CD			6,1	6,3		8,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14137009	Hồ Thế Bảo	DH14NL			3,6	6,0		7,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14153067	Nguyễn Khắc Bồng	DH14CD			3,8	4,3		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14153068	Nguyễn Hoàng Anh Chiến	DH14CD			—	—			●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14153070	Mai Thạch Dữ	DH14CD			6,3	4,0		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14153071	Thái Anh Dũng	DH14CD			4,6	6,0		8,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14153011	Châu Khánh Đạt	DH14CD			6,7	6,5		9,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14153012	Nguyễn Thành Đạt	DH14CD			—	—			●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14153075	Đỗ Minh Đế	DH14CD			—	—			●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14154016	Trần Thanh Tú Em	DH14OT			3,6	6,0		7,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14153013	Nguyễn Sơn Hà	DH14CD			—	—			●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14153014	Hồ Đức Hải	DH14CD			4,0	6,5		8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14153086	Nguyễn Xuân Hoài	DH14CD			4,3	6,5		8,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14153016	Trần Dương Hoan	DH14CD			4,7	6,5		9,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14154021	Nông Quốc Hoàn	DH14OT			—	—			●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14118027	Nguyễn Đại Hoàng	DH14CK			—	—			●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14154099	Nguyễn Anh Huy	DH14OT			—	—			●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	14153022	Trần Tuấn Kiệt	DH14CD			—	—			●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: ƯD tin học trong thiết kế máy (207125) - 02

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14118036	Nguyễn Thành Lễ	DH14CC			3,1	4,5		7,6	○○○1234567890	○○123456789
20	14153102	Hồ Bảo Lộc	DH14CD			2,9	4,3		7,2	○○○1234567890	○○123456789
21	14153028	Bùi Vũ Luân	DH14CD			3,2	4,5		7,7	○○○1234567890	○○123456789
22	14137003	Nguyễn Tấn Minh	DH14NL			3,5	4,0		7,5	○○○1234567890	○○123456789
23	14153030	Trần Lộc Minh	DH14CD			3,3	4,5		7,8	○○○1234567890	○○123456789
24	14153103	Nguyễn Đức Nam	DH14CD			4,1	4,0		8,1	○○○1234567890	○○123456789
25	14153107	Đinh Như Nhân	DH14CD			3,8	4,0		7,8	○○○1234567890	○○123456789
26	14153038	Lưu Thế Nhân	DH14CD			—	—			○○○1234567890	○○123456789
27	14153040	Phạm Thị Nhân	DH14CD			4,7	4,5		9,2	○○○1234567890	○○123456789
28	14153109	Nguyễn Hiệp Duy	DH14CD			—	—			○○○1234567890	○○123456789
29	14118219	Trần Nguyễn Hoàng Phú	DH14CC			3,1	2,0		5,1	○○○1234567890	○○123456789
30	14118226	Nguyễn Tấn Phước	DH14CK			4,0	4,5		8,5	○○○1234567890	○○123456789
31	14153118	Phan Thương Hoài L. Tâm	DH14CD			4,6	4,0		8,6	○○○1234567890	○○123456789
32	14153124	Hà Duy Thái	DH14CD			3,6	4,3		7,9	○○○1234567890	○○123456789
33	14153125	Lưu Đức Thái	DH14CD			2,3	4,3		6,6	○○○1234567890	○○123456789
34	14137071	Đỗ Việt Thắng	DH14NL			2,7	4,0		6,7	○○○1234567890	○○123456789
35	14153129	Phạm Hoàng Thân	DH14CD			4,6	4,0		8,6	○○○1234567890	○○123456789
36	14153134	Nguyễn Thanh Thuận	DH14CD			4,2	6,0		8,2	○○○1234567890	○○123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: UĐ tin học trong thiết kế máy (207125) - 02

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50%	D2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	14153052	Phan Minh Thuận	DH14CD			3,9	4,5		8,4	○○○1234567●910	○123456789
38	14153053	Nguyễn Văn Tinh	DH14CD			3,9	4,5		8,4	○○○1234567●910	○123456789
39	14153054	Đinh Ngọc Trân	DH14CD			4,0	6,5		8,5	○○○1234567●910	○123456789
40	14153058	Nguyễn Văn Tuấn	DH14CD			2,7	4,5		7,2	○○○123456●8910	○123456789
41	14153143	Nguyễn Thanh Tùng	DH14CD			4,3	4,0		8,3	○○○1234567●910	○123456789
42	14137093	Trần Bá Tùng	DH14NL			—	—			●○○12345678910	○123456789
43	14153059	Phạm Ngọc Tuyền	DH14CD			—	—			●○○12345678910	○123456789
44	14153062	Trịnh Thành Việt	DH14CD			4,0	6,0		8,0	○○○1234567●910	●123456789

Số lượng vắng: 12

Hiện diện: 32

Cán bộ coi thi 1

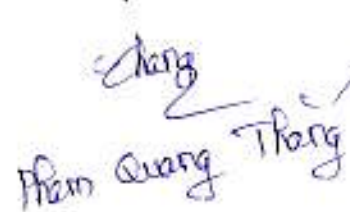
Cán bộ coi thi 2

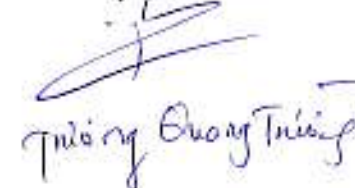
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Lê Thanh Thiên


Phạm Quang Thắng


Trương Quang Tuấn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy thu hoạch (207305) - 001_DH13CK_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 13/01/2017 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi HD303 Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trung 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118071	Mai Công Anh	DH13CK			5	6	7	6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	13118002	Đặng Ngọc ần	DH13CK			7	5	7	6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	13118078	Trịnh Quốc Bảo	DH13CK			4	5			○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	13118006	Trần Quang Chung	DH13CK			6,8	7	6	6,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	13118095	Lưu Trần Tấn Duy	DH13CK			2	7	4	4,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	13118104	Nguyễn Đông Dương	DH13CK			5	6	4,5	3,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	13118105	Trần Tùng Dương	DH13CK			2	5			○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	13118108	Lâm Hữu Nguyễn Đan	DH13CK			6	6	8	7,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	13118112	Nguyễn Tiến Đạt	DH13CK			5	4	7,5	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	13118011	Trần Đình Đức	DH13CK			7	4	6	6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	13118123	Trịnh Đình Thanh Đức	DH13CK			3	4	7	6,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	13118132	Nguyễn Văn Hải	DH13CK			4	9	4	4,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	13118015	Võ Đình Hải	DH13CK			6	7	5	5,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	13118135	Trần Tuấn Hiền	DH13CK			7	7	7	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	13118137	Nguyễn Trọng Hiếu	DH13CK			8,5	9	8	8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 204233



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy thu hoạch (207305) - 001_DH13CK_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 13/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

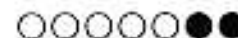
Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm IR
16	13118140	Đặng Ngọc Hiếu	DH13CK			5	6	6	6,0	0012345678910	0123456789
17	13118017	Trần Văn Hiếu	DH13CK			7	5	6	6,0	0012345678910	0123456789
18	13118020	Nhữ Sỹ Hùng	DH13CK			5	7	8	7,6	0012345678910	0123456789
19	13118159	Lưu Quốc Huy	DH13CK			4,8	5	5	5,0	0012345678910	0123456789
20	13118161	Hoàng Phạm Thanh Huỳnh	DH13CK			2	8	2,5	3,0	0012345678910	0123456789
21	13118367	Huỳnh Đăng Khoa	DH13CK			3,2	5	6	6,0	0012345678910	0123456789
22	13118024	Ngô Minh Lan	DH13CK			8,5	7	8	8,0	0012345678910	0123456789
23	13118191	Nguyễn Tùng Lâm	DH13CK			7	9	8	8,0	0012345678910	0123456789
24	13118025	Nguyễn Hoàng Liêm	DH13CK			5	6	6	6,0	0012345678910	0123456789
25	13118197	Nguyễn Chí Linh	DH13CK			5	6	8,5	7,9	0012345678910	0123456789
26	13118199	Đào Huy Long	DH13CK			2	8	3,5	3,8	0012345678910	0123456789
27	13118200	Đặng Hoàng Long	DH13CK			6	5	7	6,7	0012345678910	0123456789
28	13118204	Trương Thanh Lực	DH13CK			5,2	6	5	5,2	0012345678910	0123456789
29	13118205	Nguyễn Bá May	DH13CK			2	5	3,5	3,5	0012345678910	0123456789
30	13118208	Bùi Lương Bảo Minh	DH13CK			3	6	6	5,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204233



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Máy thu hoạch (207305) - 001_DH13CK_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 13/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13118209	Đỗ Văn Minh	DH13CK							0012345678910	0123456789
32	13118030	Trần Quốc Nam	DH13CK	<i>Thanh</i>		8,4	7	7	7,2	0012345678910	0123456789
33	13118230	Cao Hoàng Phi	DH13CK	<i>Phi</i>		4	5	3	3,3	0012345678910	0123456789
34	13118231	Nguyễn Văn Phi	DH13CK							0012345678910	0123456789
35	13118232	Bùi Tấn Phong	DH13CK	<i>Phong</i>		6	6	7	6,8	0012345678910	0123456789
36	13118039	Huỳnh Hồng Phúc	DH13CK	<i>Phúc</i>		2	6	3	3,0	0012345678910	0123456789
37	13118040	Nguyễn Văn Phụng	DH13CK	<i>Phụng</i>		9	7	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
38	13118241	Ngô Duy Quang	DH13CK	<i>Duy</i>		2	6	7	6,4	0012345678910	0123456789
39	13118044	Nguyễn Như Quỳnh	DH13CK	<i>Quỳnh</i>		6,5	5	5	5,2	0012345678910	0123456789
40	13118045	Nguyễn Văn Sang	DH13CK	<i>Sang</i>		2	5	2,5	2,7	0012345678910	0123456789
41	13118255	Hồ Hoàng Sơn	DH13CK	<i>Sơn</i>		6	6	3,5	4,0	0012345678910	0123456789
42	13118259	Huỳnh Trọng Tài	DH13CK	<i>Tài</i>		7	6	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
43	13118049	Lương Ngọc Tân	DH13CK	<i>Tân</i>		8	5	4,5	4,9	0012345678910	0123456789
44	13118269	Vô Minh Tây	DH13CK	<i>Tây</i>		2	8	8	7,4	0012345678910	0123456789
45	13118276	Đàm Minh Thái	DH13CK	<i>Thái</i>		4	6	2,5	3,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204233



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy thu hoạch (207305) - 001_DH13CK_02

Số Tin Cb 3

Ngày Thi 13/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 10%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	13118275	Đặng Anh Tháo	DH13CK			7	9	8	8,0	0012345678910	0123456789
47	13118282	Trần Nam Thắng	DH13CK			5				0012345678910	0123456789
48	13118054	Đoàn Văn Thọ	DH13CK			4,8	4	5,5	5,2	0012345678910	0123456789
49	13118286	Phan Minh Thông	DH13CK			5	5	5	5,0	0012345678910	0123456789
50	13118290	Phạm Quốc Thuyền	DH13CK			5	8	7	7,0	0012345678910	0123456789
51	13118312	Bạch Huy Tri	DH13CK			7	5	5	5,2	0012345678910	0123456789
52	13118310	Bùi Thanh Triển	DH13CK			5	5	7	6,6	0012345678910	0123456789
53	13118058	Lê Quang Trọng	DH13CK			7	5	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
54	13118317	Lê Quốc Trung	DH13CK			8	7	9	8,8	0012345678910	0123456789
55	13118320	Nguyễn Quốc Trung	DH13CK			7	5	6	6,0	0012345678910	0123456789
56	13118060	Phạm Quang Trung	DH13CK			0				0012345678910	0123456789
57	13118364	Trương Công Hoài Trung	DH13CK			6	6	5	5,4	0012345678910	0123456789
58	13118337	Nguyễn Thanh Tuấn	DH13CK			6	7	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
59	13118064	Nguyễn Văn Ty	DH13CK			5	5	4,5	4,8	0012345678910	0123456789
60	13118359	Vũ Gia Vỹ	DH13CK			2	4	4,5	4,2	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 03

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	Điểm 80%	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118097	Nguyễn Hoàng Duy	DH13CK			9	7	6,5	6,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13334037	Trần Thanh Duy	CD13CI			7	7	6	6,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13118108	Lâm Hữu Nguyễn Đan	DH13CK			10	8	8,5	8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13118123	Trịnh Đình Thanh Đức	DH13CK			9	8,5	8,5	8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13118015	Võ Đình Hải	DH13CK			9	9	8	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13118135	Trần Tuấn Hiên	DH13CK			10	8	8	8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13334070	Thôi Minh Hiệp	CD13CI			9	7,5	7,5	7,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13118140	Đặng Ngọc Hiệu	DH13CK			9	9	8	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13118020	Như Sỹ Hùng	DH13CK			9	9	8,5	8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13118169	Nguyễn Trọng Hữu	DH13CK			9	8	8	8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13118024	Ngô Minh Lan	DH13CK			10	9	8,5	8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13118191	Nguyễn Tùng Lâm	DH13CK			10	7,5	8,5	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13118200	Đặng Hoàng Long	DH13CK			9	9	8	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13118204	Trương Thanh Lực	DH13CK			9	8	8	8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13118209	Bồ Văn Minh	DH13CK			8	7,5	7,5	7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13334135	Nguyễn Minh Nhật	CD13CI			10	7,5	7,5	7,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13118230	Cao Hoàng Phi	DH13CK			9	8	8	8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13118039	Huỳnh Hồng Phúc	DH13CK			8	7,5	7,5	7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 03

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13118044	Nguyễn Như Quỳnh	DH13CK			7	6	7	6,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13118045	Nguyễn Văn Sang	DH13CK						0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13334175	Đoàn Thiện Thanh	CD13CI			10	8	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118054	Đoàn Văn Thoại	DH13CK			9	8	8,5	8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118286	Phan Minh Thống	DH13CK			10	8	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13118291	Phạm Hữu Thường	DH13CK			10	8	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118059	Trần Văn Trọng	DH13CK			9	8	8	8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13118320	Nguyễn Quốc Trung	DH13CK			10	8	8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13118364	Trương Công Hoài	DH13CK			10	8	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13118332	Lê Quốc Tuấn	DH13CK			9	8,5	8,5	8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13334233	Nguyễn Hoàng Tuấn	CD13CI			8	7,5	7,5	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13118064	Nguyễn Văn Tyl	DH13CK			9	8	8,5	8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

kl
Đặng Xuân Duy

Phạm Duy Lam

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 04

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118078	Trịnh Quốc Bảo	DH13CK			9	7	8,5	8,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13118006	Trần Quang Chung	DH13CK			10	8	8,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13118095	Lưu Trần Tấn Duy	DH13CK			10	8	8	8,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13118105	Trần Tùng Dương	DH13CK			9	7	8	7,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13118132	Nguyễn Văn Hải	DH13CK			10	8	9	8,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13334079	Đinh Lâm Huy	CD13CI			8	7	8	7,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13118021	Lương Phan Bá Khỏe	DH13CK			7	7	7	7,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13334113	Mai Vĩnh Lợi	CD13CI			0	0	0	0	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13118208	Bùi Lương Bảo Minh	DH13CK			9	8	8	8,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13118033	Phạm Đình Nguyên	DH13CK			9	8,5	8	8,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13118221	Võ Văn Nguyên	DH13CK			9	8,5	8	8,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13118231	Nguyễn Văn Phi	DH13CK			10	8,5	8,5	8,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13118041	Lê Minh Phương	DH13CK			8	9	8,5	8,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13118249	Tạ Văn Quyền	DH13CK			9	8	8	8,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13118047	Phạm Minh Tài	DH13CK			9	8	8	8,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13334189	Đặng Tuấn Thi	CD13CI			9	7,5	7,5	7,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13334209	Phạm Thành Tiên	CD13CI			9	7,5	8,5	8,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13118307	Nguyễn Triệu Toàn	DH13CK			10	8,5	8,5	8,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 04

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13118313	Đặng Xuân Trọng	DH13CK			9	8,5	8,5	8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13334226	Dặng Trung	CD13CI			10	8,5	8,5	8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118337	Nguyễn Thanh Tuấn	DH13CK			10	9	8,5	8,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118359	Vũ Gia Vỹ	DH13CK			10	7,5	8	8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

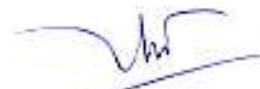
Cán bộ coi thi 2

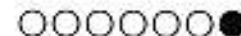
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Đặng Xuân Trọng


Phạm Duy Lam



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Máy và TB phục vụ chăn nuôi (207326) - 001_DH14CK_02 Số Tin Ch 2

Ngày Thi 26/12/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi RD502 Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118001	Bùi Văn An	DH14CK			7		7	7,0	001234567890	0123456789
2	14118102	Hồ Chí Bảo	DH14CK			7		5	5,4	001234567890	0123456789
3	14118108	Trần Văn Bốn	DH14CK			6		5	5,2	001234567890	0123456789
4	14118109	Đào Hữu Cảnh	DH14CK			6		6	6,0	001234567890	0123456789
5	14118007	Võ Văn Cảnh	DH14CK			6		6	6,0	001234567890	0123456789
6	14118123	Nguyễn Ngọc Cường	DH14CK			7		5,5	5,8	001234567890	0123456789
7	14118134	Nguyễn Văn Đại	DH14CK			5		7	6,6	001234567890	0123456789
8	14118017	Nguyễn Thanh Điền	DH14CK			5		3,5	3,8	001234567890	0123456789
9	14118025	Lê Quang Hiến	DH14CK			6		5	5,2	001234567890	0123456789
10	14118159	Phạm Tấn Hiệp	DH14CK			8		8	8,0	001234567890	0123456789
11	14118158	Vũ Văn Hiến	DH14CK			6		5	5,2	001234567890	0123456789
12	14118027	Nguyễn Đại Hoàng	DH14CK			6		5	5,2	001234567890	0123456789
13	14118177	Phạm Ngọc Hưng	DH14CK			6		7,5	7,2	001234567890	0123456789
14	13118181	Nguyễn Văn Khánh	DH13CK			7		4,5	5,0	001234567890	0123456789
15	13118021	Lương Phan Bá Khỏe	DH13CK			7		6	6,2	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 204244



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy và TB phục vụ chăn nuôi (207326) - 001_DH14CK_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 26/12/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD502

Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118188	Trần Nguyễn Phương	Khôi	DH14CK		7		6	6,2	0012345678910	0123456789
17	14118192	Lê Thành	Long	DH14CK		6		5	5,2	0012345678910	0123456789
18	14118044	Cao Hữu	Nhân	DH14CK		6		6	6,0	0012345678910	0123456789
19	14118214	Nguyễn Xuân	Phát	DH14CK		5		5	5,0	0012345678910	0123456789
20	14118050	Nguyễn Thành	Phong	DH14CK		5		2,5	3,0	0012345678910	0123456789
21	14118218	Phạm Thanh	Phong	DH14CK		5		7	6,8	0012345678910	0123456789
22	14118226	Nguyễn Tấn	Phước	DH14CK		6		7	6,8	0012345678910	0123456789
23	14118223	Phạm Hoàng	Phương	DH14CK		5		5	5,0	0012345678910	0123456789
24	14118056	Đinh Hồng	Quản	DH14CK		6				0012345678910	0123456789
25	14118236	Nguyễn Văn	Sang	DH14CK		6		6	6,0	0012345678910	0123456789
26	14118240	Trịnh Văn	Son	DH14CK		5		7	6,6	0012345678910	0123456789
27	14118062	Đỗ Văn	Tàu	DH14CK		5		5,5	5,4	0012345678910	0123456789
28	13118285	Nguyễn Phú	Thịnh	DH13CK		5		4	4,2	0012345678910	0123456789
29	14118267	Nguyễn Hoàng	Thông	DH14CK		6		2	2,8	0012345678910	0123456789
30	14118311	Trần Xuân	Vinh	DH14CK		6		8	7,6	0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy và TB phục vụ chăn nuôi (207326) - 001_DH14CK_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 26/12/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD401

Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118103	Nguyễn Hoài Bảo	DH14CK			6		6	6,0	001234567890	0123456789
2	14118117	Lê Tiến Công	DH14CK			7		5	5,4	001234567890	0123456789
3	13118097	Nguyễn Hoàng Duy	DH13CK			5		2,5	3,0	001234567890	0123456789
4	14118128	Nguyễn Văn Duy	DH14CK			7		5,5	5,8	001234567890	0123456789
5	14118013	Bùi Tấn Dương	DH14CK			5		2	2,6	001234567890	0123456789
6	13118112	Nguyễn Tiến Đạt	DH13CK			7	-	5	5,4	001234567890	0123456789
7	14118141	Trần Văn Diệp	DH14CK			7		5	5,4	001234567890	0123456789
8	13118132	Nguyễn Văn Hải	DH13CK			7		5,5	5,8	001234567890	0123456789
9	13118017	Trần Văn Hiệu	DH13CK			7		7	7,0	001234567890	0123456789
10	14118166	Võ Văn Hòa	DH14CK			5		6	5,8	001234567890	0123456789
11	14118168	Nguyễn Thái Học	DH14CK			6		5,5	5,6	001234567890	0123456789
12	13118156	Đỗ Minh Huy	DH13CK			6		6,5	6,4	001234567890	0123456789
13	13118161	Hoàng Phạm Thanh Huỳnh	DH13CK			7		7	7,0	001234567890	0123456789
14	14118189	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH14CK			6		5,5	5,6	001234567890	0123456789
15	13118199	Đào Huy Long	DH13CK			6		5,5	5,6	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 204245



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy và TB phục vụ chăn nuôi (207326) - 001_DH14CK_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 26/12/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD401

Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13118204	Trương Thanh Lục	DH13CK			7		6	6,2	0012345678910	0123456789
17	13118205	Nguyễn Bá May	DH13CK			8		5,5	6,0	0012345678910	0123456789
18	14118198	Mai Văn Mình	DH14CK			8		3,5	7,6	0012345678910	0123456789
19	13118221	Võ Văn Nguyễn	DH13CK							0012345678910	0123456789
20	14118052	Châu Hoàng Phúc	DH14CK			7		6,5	6,6	0012345678910	0123456789
21	13118039	Huỳnh Hồng Phúc	DH13CK			6		4	4,4	0012345678910	0123456789
22	13118047	Phạm Minh Tài	DH13CK							0012345678910	0123456789
23	14118246	Trần Văn Tài	DH14CK			7		5	5,4	0012345678910	0123456789
24	13118275	Đặng Anh Thảo	DH13CK			7		6	6,2	0012345678910	0123456789
25	14118070	Đinh Trọng Thọ	DH14CK			6		5	5,2	0012345678910	0123456789
26	14118266	Phan Minh Thoại	DH14CK			6		3,5	7,2	0012345678910	0123456789
27	13118290	Phạm Quốc Thuyền	DH13CK			7		6	6,2	0012345678910	0123456789
28	14118087	Nguyễn Minh Tuấn	DH14CK			5		5	5,0	0012345678910	0123456789
29	14118312	Hà Thánh Vị	DH14CK			5		5	5,0	0012345678910	0123456789
30	14118314	Lương Trọng Vũ	DH14CK			6		6	6,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Hệ thống điều khiển linh hoạt (207507) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13138042	Quách Đình Dũng	DH13TD				6.0	4.5	4.8	001234567890	0123456789
2	13138047	Ngô Viết Định	DH13TD				6.0	7.0	6.8	001234567890	0123456789
3	13138003	Lương Đình Đồng	DH13TD				6.0	8.0	7.6	001234567890	0123456789
4	13138050	Hồ Anh Đức	DH13TD				6.0	5.5	5.6	001234567890	0123456789
5	13138051	Ngô Lộc Trường	DH13TD				5.0	2.0	2.6	001234567890	0123456789
6	13138054	Tổng Thị Thu Hà	DH13TD				6.0	7.5	7.2	001234567890	0123456789
7	13138060	Phan Hồng Hải	DH13TD				5.0	5.0	5.0	001234567890	0123456789
8	13138068	Hoàng Minh Hiếu	DH13TD				4.0	4.0	4.0	001234567890	0123456789
9	13138261	Nguyễn Trung Hiếu	DH13TD				6.0	1.0	9.2	001234567890	0123456789
10	13138072	Nguyễn Tự	DH13TD				6.0	8.0	7.6	001234567890	0123456789
11	13138080	Huỳnh Lê Phúc Hòa	DH13TD				5.0	2.0	2.6	001234567890	0123456789
12	13138263	Hạp Tiến Hoàng	DH13TD				6.0	4.5	4.8	001234567890	0123456789
13	13138079	Nguyễn Trần Minh Hoàng	DH13TD				4.0	2.0	2.4	001234567890	0123456789
14	13138005	Đan Việt Hùng	DH13TD							001234567890	0123456789
15	13138085	Hoàng Thanh Hùng	DH13TD							001234567890	0123456789
16	13138083	Nguyễn Đức Huy	DH13TD				6.0	1.0	9.2	001234567890	0123456789
17	13138089	Tô Văn Hưng	DH13TD				6.0	1.0	2.0	001234567890	0123456789
18	13138006	Đào Thanh Hữu	DH13TD				6.0	5.5	5.6	001234567890	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Hệ thống điều khiển linh hoạt (207507) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13138091	Lâm Tấn Kha	DH13TD				6.0	9.0	8,4	○012345678910	0123456789
20	13138096	Võ Anh Khoa	DH13TD				5.0	5,5	5,4	○012345678910	0123456789
21	12138126	Nguyễn Duy Khương	DH12TD							○012345678910	0123456789
22	13138098	Vũ Văn Khương	DH13TD				5.0	9.0	8,2	○012345678910	0123456789
23	13138099	Cao Hoàng Lâm	DH13TD				6.0	10	9,2	○012345678910	0123456789
24	13138103	Nguyễn Đình Lâm	DH13TD				5.0	6,5	6,2	○012345678910	0123456789
25	13138109	Trần Hoài Linh	DH13TD				5.0	7.0	6,6	○012345678910	0123456789
26	13138112	Đặng Thành Lợi	DH13TD				6.0	7.0	6,8	○012345678910	0123456789
27	13138260	Hoàng Đức Lương	DH13TD				6.0	6.0	6,0	○012345678910	0123456789
28	13138117	Nguyễn Quốc Mạnh	DH13TD				6.0	5,5	5,6	○012345678910	0123456789
29	13138118	Nguyễn Văn Mến	DH13TD				6.0	7,5	7,2	○012345678910	0123456789
30	13138010	Nguyễn Ngọc Nam	DH13TD				6.0	7.0	6,8	○012345678910	0123456789
31	13138011	Trần Nhật Nghĩa	DH13TD				6.0	6,5	6,4	○012345678910	0123456789
32	13138128	Nguyễn Tiến Ngọc	DH13TD				6.0	5.0	5,2	○012345678910	0123456789
33	12138044	Phạm Phúc Nha	DH12TD				6.0	5.0	5,2	○012345678910	0123456789
34	13138136	Ninh Quang Nhật	DH13TD				6.0	7,5	7,2	○012345678910	0123456789
35	13138141	Nguyễn Huỳnh Nương	DH13TD				6.0	7.0	6,8	○012345678910	0123456789
36	13138153	Huỳnh Hoàng Phú	DH13TD				5.0	6,5	6,2	○012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Hệ thống điều khiển linh hoạt (207507) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
37	13138154	Huỳnh Văn Phúc	DH13TD				4.0	2.0	2,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	13138156	Nguyễn Hồng Phúc	DH13TD							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	13138157	Nguyễn Hồng Phúc	DH13TD				6.0	5.0	5,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	13138163	Phạm Lưu Phước	DH13TD							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	13138165	Man Hồng Quân	DH13TD				5.0	2.0	2,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	13138166	Ngô Nguyễn Minh Quân	DH13TD				6.0	8.0	7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	13138168	Bùi Công Quyền	DH13TD				6.0	7.5	7,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	13138171	Lê Tuấn Sang	DH13TD				6.0	5.5	5,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
45	13138173	Trần Vũ Sang	DH13TD				6.0	10	9,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
46	13138174	Trần Thị Sáng	DH13TD				6.0	9.0	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
47	13138175	Bùi Thái Sơn	DH13TD							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
48	13138178	Ngô Quốc Sư	DH13TD				6.0	10	9,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
49	13138183	Vũ Minh Tân	DH13TD				6.0	10	9,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
50	13138185	Lê Duy Tân	DH13TD				6.0	3.0	3,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
51	13138189	Văn Thánh Tân	DH13TD				6.0	10	9,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
52	13138200	Lê Ngọc Thạch	DH13TD				6.0	5.0	5,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
53	13138195	Hà Đình Thành	DH13TD				6.0	2.0	2,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
54	13138198	Phan Tiến Thành	DH13TD				6.0	5.0	5,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Hệ thống điều khiển linh hoạt (207507) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
55	13138199	Trịnh Việt Thành	DH13TD				6.0	2.0	2.8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
56	13138201	Vân Thiên Thăng	DH13TD							③ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
57	13138205	Vương Bảo Thê	DH13TD				5.0	4.0	4.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
58	13138206	Nguyễn Hoàng Thi	DH13TD				5.0	10	9.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
59	13138210	Trương Văn Thoại	DH13TD				6.0	7.0	6.8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
60	13138219	Hồ Tiếp	DH13TD				6.0	10	9.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
61	13138220	Trương Tấn Tinh	DH13TD				6.0	7.0	6.8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
62	13138227	Phạm Đình Trang	DH13TD				6.0	6.0	6.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
63	13138229	Mũi Minh Trí	DH13TD				6.0	10	9.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
64	13138231	Lê Minh Trọng	DH13TD				6.0	2.0	2.8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
65	13138232	Trần Hữu Trọng	DH13TD							③ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
66	13138234	Nguyễn Phan Hải Trường	DH13TD				6.0	10	9.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
67	13138248	Nguyễn Thanh Tú	DH13TD				6.0	7.0	6.8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
68	13138253	Phạm Tiến Việt	DH13TD				6.0	7.5	7.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
69	13138254	Phạm Văn Việt	DH13TD				6.0	8.0	7.6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
70	13138022	Ngô Quốc Vương	DH13TD				6.0	6.0	6.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng: 08

Hiện diện: 62

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in: 29/11/2016 15:09

Lê Quang Hiền

Lê Quang Hiền

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm SCADA (207517) - 001_DH13TD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 13/01/2017-

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD303

Giảng viên:Đặng Ngọc Toàn

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 40%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13138027	Bùi Minh Bảo	DH13TD							○○○12345678910	0123456789
2	13138029	Ngô Thế Chung	DH13TD			4	8,5	9	8,8	○○○12345678910	0123456789
3	13138030	Trần Huy Chương	DH13TD			8	6,5	7,5	7,2	○○○12345678910	0123456789
4	13138033	Dương Minh Cương	DH13TD			4	8	9,5	8,5	○○○12345678910	0123456789
5	13138042	Quách Đình Dũng	DH13TD			8	1	6	4,2	○○○12345678910	0123456789
6	13138047	Ngô Viết Định	DH13TD			8	8	9	8,5	○○○12345678910	0123456789
7	13138003	Lương Đình Đồng	DH13TD			8	1	7	4,7	○○○12345678910	0123456789
8	13138050	Hồ Anh Đức	DH13TD			8	8,5	8	8,2	○○○12345678910	0123456789
9	13138051	Ngô Lộc Trường	DH13TD			8	1	6,5	4,5	○○○12345678910	0123456789
10	13138052	Tô Minh Đức	DH13TD			8	7	8,5	6,9	○○○12345678910	0123456789
11	13138060	Phan Hồng Hải	DH13TD			8	7,5	8,5	8,1	○○○12345678910	0123456789
12	13138261	Nguyễn Trung Hiếu	DH13TD			8	8,5	8,5	8,5	○○○12345678910	0123456789
13	13138072	Nguyễn Tự Hiếu	DH13TD			8	8	8	8	○○○12345678910	0123456789
14	13138073	Phạm Trung Hiếu	DH13TD			8	8,5	6,5	7,5	○○○12345678910	0123456789
15	13138080	Huỳnh Lê Phúc Hòa	DH13TD			8	7	8	7,6	○○○12345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204272



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm SCADA (207517) - 001_DH13TD_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 13/01/2017 - Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi HD303 Giảng viên: Đặng Ngọc Toàn

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 40 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13138076	Võ Minh Hòa	DH13TD							0012345678910	0123456789
17	13138263	Hạp Tiến	DH13TD	<i>[Signature]</i>		8	7	8,5	7,9	0012345678910	0123456789
18	13138079	Nguyễn Trần Minh	DH13TD	<i>[Signature]</i>		8	7	6,75	7	0012345678910	0123456789
19	13138005	Đậu Việt	DH13TD	<i>[Signature]</i>		8	1	5,5	4	0012345678910	0123456789
20	13138083	Nguyễn Đức	DH13TD	<i>[Signature]</i>		8	8	9	8,5	0012345678910	0123456789
21	13138090	Hà Văn	DH13TD	<i>[Signature]</i>		8	7	8	7,6	0012345678910	0123456789
22	13138091	Lâm Tấn	DH13TD	<i>[Signature]</i>		8	8,5	8	8,2	0012345678910	0123456789
23	13138096	Vô Anh	DH13TD	<i>[Signature]</i>		8	7	8	7,6	0012345678910	0123456789
24	13138097	Trần Tiến	DH13TD							0012345678910	0123456789
25	12138126	Nguyễn Duy	DH12TD	<i>[Signature]</i>		8	8	7	7,5	0012345678910	0123456789
26	13138099	Cao Hoàng	DH13TD	<i>[Signature]</i>		8	8,5	7,25	7,8	0012345678910	0123456789
27	13138103	Nguyễn Đình	DH13TD	<i>[Signature]</i>		8	7,5	7,25	7,4	0012345678910	0123456789
28	13138109	Trần Hoài	DH13TD	<i>[Signature]</i>		8	7	10	8,6	0012345678910	0123456789
29	13138009	Nguyễn Kim Hải	DH13TD	<i>[Signature]</i>		8	9	9,25	9	0012345678910	0123456789
30	13138112	Đặng Thánh	DH13TD	<i>[Signature]</i>		8	9,5	7	8,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204272



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm SCADA (207517) - 001_DH13TD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 13/01/2017

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Động Ngọc Toàn

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 40 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13138116	Võ Tấn Lý	DH13TD			8	7	9	8,1	0012345678910	0123456789
32	13138118	Nguyễn Văn Mến	DH13TD			8	9	6,25	7,5	0012345678910	0123456789
33	13138128	Nguyễn Tiến Ngọc	DH13TD			8	7	7	7,1	0012345678910	0123456789
34	13138136	Ninh Quang Nhật	DH13TD			8	8	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
35	13138140	Lê Thị Huỳnh Như	DH13TD			8	9,5	8,5	8,9	0012345678910	0123456789
36	13138141	Nguyễn Huỳnh Nhung	DH13TD			8	8,5	9	8,7	0012345678910	0123456789
37	13138152	Hoàng Xuân Phú	DH13TD			8	9	8	8,4	0012345678910	0123456789
38	13138153	Huỳnh Hoàng Phú	DH13TD			8	6,5	8	8,6	0012345678910	0123456789
39	13138154	Huỳnh Văn Phúc	DH13TD			8	8	6,75	7,4	0012345678910	0123456789
40	13138156	Nguyễn Hồng Phúc	DH13TD			8	1	8,5	5,1	0012345678910	0123456789
41	13138157	Nguyễn Hồng Phúc	DH13TD							0012345678910	0123456789
42	13138015	Võ Bảo Quốc	DH13TD			8	8,5	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
43	13138168	Bùi Công Quyền	DH13TD			8	7	9	8,1	0012345678910	0123456789
44	13138171	Lê Tuấn Sang	DH13TD			8	1	7,75	5,1	0012345678910	0123456789
45	13138172	Nguyễn Văn Sang	DH13TD							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204272



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm SCADA (207517) - 001_DH13TD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 13/01/2017 · Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi HD303 Giảng viên: Đặng Ngọc Toàn

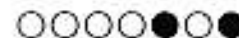
Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 40 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	13138173	Trần Vũ Sang	DH13TD			8	1	6	4,2	0012345678910	0123456789
47	13138174	Trần Thị Sáng	DH13TD			8	9	9	8,9	0012345678910	0123456789
48	13138175	Bùi Thái Sơn	DH13TD			8	1	8	5,2	0012345678910	0123456789
49	13138178	Ngô Quốc Sứ	DH13TD			8	7	8	7,6	0012345678910	0123456789
50	13138185	Lê Duy Tân	DH13TD			8	7	6	6,6	0012345678910	0123456789
51	13138189	Vân Thành Tân	DH13TD			8	8,5	8	8,2	0012345678910	0123456789
52	13138192	Phạm Văn Thanh	DH13TD							0012345678910	0123456789
53	13138195	Hà Đình Thành	DH13TD			8	7	6	6,6	0012345678910	0123456789
54	13138199	Trịnh Việt Thành	DH13TD			8	7	7	7,1	0012345678910	0123456789
55	13138201	Vân Thiên Thăng	DH13TD							0012345678910	0123456789
56	13138205	Vương Bảo Thế	DH13TD			8	7	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
57	13138206	Nguyễn Hoàng Thi	DH13TD			8	8	8	8	0012345678910	0123456789
58	13138210	Trương Văn Thọ	DH13TD			8	7,5	7	7,3	0012345678910	0123456789
59	13138219	Hồ Tiệp	DH13TD			8	7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
60	13138227	Phạm Đình Trang	DH13TD			8	8	7	7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204272



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm SCADA (207517) - 001_DH13TD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 13/01/2017

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Đặng Ngọc Toàn

Lớp

DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trung 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 40%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	13138229	Mai Minh Tri	DH13TD			8	9	7	7,9	001234567890	0123456789
62	13138234	Nguyễn Phan Hải	DH13TD			8	5	7	6,3	001234567890	0123456789
63	12138103	Phạm Văn	DH12TD			8	8	6	7	001234567890	0123456789
64	13138249	Nguyễn Khánh	DH13TD							001234567890	0123456789
65	13138253	Phạm Tiến	DH13TD			8	1	6,5	4,5	001234567890	0123456789
66	13138254	Phạm Văn	DH13TD			8	7,5	7	7,3	001234567890	0123456789
67	13138021	Trần Thanh	DH13TD			8	1	6,5	4,5	001234567890	0123456789
68	13138022	Ngô Quốc	DH13TD			8	1	6,5	4,5	001234567890	0123456789

Số sinh viên dự thi: 60 Số sinh viên vắng: 08

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

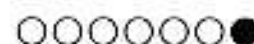
Cán Bộ Chấm Thi 2

 Nguyễn Văn Ngọc Mạnh

 Lê Văn Tuấn

 Lê Văn Tuấn

 Đặng Ngọc Toàn



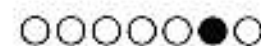
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập ROBOT công nghiệp (207617) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13138029	Ngô Thế Chung	DH13TD					6,5	6,5	0012345678910	0123456789
2	13138047	Ngô Viết Định	DH13TD					5,0	5,0	0012345678910	0123456789
3	13138058	Cao Xuân Hải	DH13TD					4,0	4,0	0012345678910	0123456789
4	13138072	Nguyễn Tư Hiếu	DH13TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
5	13138263	Hạp Tiến Hoàng	DH13TD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
6	13138083	Nguyễn Đức Huy	DH13TD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
7	13138097	Trần Tiến Khôi	DH13TD					5,5	5,5	0012345678910	0123456789
8	13138108	Lê Quang Linh	DH13TD					3,0	3,0	0012345678910	0123456789
9	13138010	Nguyễn Ngọc Nam	DH13TD					3,0	3,0	0012345678910	0123456789
10	13138157	Nguyễn Hồng Phúc	DH13TD					3,0	3,0	0012345678910	0123456789
11	13138168	Búi Công Quyền	DH13TD					4,0	4,0	0012345678910	0123456789
12	13138016	Ngô Tất Sang	DH13TD					4,5	4,5	0012345678910	0123456789
13	13138172	Nguyễn Văn Sang	DH13TD					5,0	5,0	0012345678910	0123456789
14	13138173	Trần Vũ Sang	DH13TD					3,0	3,0	0012345678910	0123456789
15	13138183	Vũ Minh Tâm	DH13TD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
16	13138201	Vân Thiên Thăng	DH13TD							0012345678910	0123456789
17	13138211	Tổng Trần Thông	DH13TD					5,0	5,0	0012345678910	0123456789
18	13138223	Đinh Quốc Toán	DH13TD					4,0	4,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập ROBOT công nghiệp (207617) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13138229	Mai Minh Trí	DH13TD		1			9,0	9,0	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	13138021	Trần Thanh Vĩnh	DH13TD					3,0	3,0	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: 19

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Quang Hiền

Lê Văn Sơn

Lê Quang Hiền

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập ROBOT công nghiệp (207617) - 02

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13138027	Bùi Minh Bảo	DH13TD					3,0	3,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13138030	Trần Huy Chương	DH13TD					3,0	3,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13138033	Dương Minh Cường	DH13TD					8,0	8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13138051	Ngô Lộc Trường	DH13TD					4,5	4,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13138052	Tô Minh Đức	DH13TD					3,0	3,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13138074	Kiều Việt Hiệp	DH13TD							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13138076	Vô Minh Hòa	DH13TD					3,0	3,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13138005	Đậu Việt Hùng	DH13TD					4,0	4,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13138090	Hà Văn Hương	DH13TD					7,5	7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13138006	Đào Thanh Hữu	DH13TD					6,5	6,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13138096	Võ Anh Khoa	DH13TD					7,5	7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13138109	Trần Hoài Linh	DH13TD					6,0	6,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13138156	Nguyễn Hồng Phúc	DH13TD					3,0	3,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13138163	Phạm Lưu Phước	DH13TD					3,0	3,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13138181	Phạm Văn Tâm	DH13TD					5,0	5,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13138200	Lê Ngọc Thạch	DH13TD					6,5	6,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13138227	Phạm Đình Trang	DH13TD					8,0	8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13138255	Phùng Anh Vi	DH13TD					3,0	3,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập ROBOT công nghiệp (207617) - 02

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13138256	Nguyễn Lê Nhật Vũ	DH13TD							0012345678910	0123456789
20	13138022	Ngô Quốc Vương	DH13TD					5,0	5,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 02

Hiện diện: 18

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

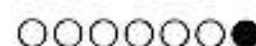
Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Quang Hiền

Lê Quang Hiền

Lê Quang Hiền



Mã nhận dạng 204347

Trang 1/2

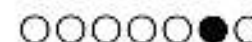
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập ROBOT công nghiệp (207617) - 03

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13138003	Lương Đình Đồng	DH13TD					4,5	4,5	0012345678910	0123456789
2	13138054	Tổng Thị Thu Hà	DH13TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
3	13138067	Nguyễn Trung Hậu	DH13TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
4	13138261	Nguyễn Trung Hiếu	DH13TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
5	13138073	Phạm Trung Hiếu	DH13TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
6	13138091	Lâm Tấn Kha	DH13TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
7	13138093	Bùi Đức Khả	DH13TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
8	13138099	Cao Hoàng Lâm	DH13TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
9	13138116	Võ Tấn Lý	DH13TD					3,0	3,0	0012345678910	0123456789
10	13138118	Nguyễn Văn Mến	DH13TD					4,0	4,0	0012345678910	0123456789
11	13138140	Lê Thị Huýnh Như	DH13TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
12	13138152	Hoàng Xuân Phú	DH13TD					4,5	4,5	0012345678910	0123456789
13	13138171	Lê Tuấn Sang	DH13TD					4,0	4,0	0012345678910	0123456789
14	13138174	Trần Thị Sáng	DH13TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
15	13138195	Hà Đình Thành	DH13TD					3,0	3,0	0012345678910	0123456789
16	13138198	Phan Tiến Thành	DH13TD					3,0	3,0	0012345678910	0123456789
17	13138205	Vương Bảo Thế	DH13TD					4,5	4,5	0012345678910	0123456789
18	13138234	Nguyễn Phan Hải Trường	DH13TD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập ROBOT công nghiệp (207617) - 03

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	13138249	Nguyễn Khánh Tường	DH13TD					6,5	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13138253	Phạm Tiến Việt	DH13TD					5,0	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 00

Hiện diện: 20

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/hệ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Quang Hiền

Lê Quang Hiền

Lê Quang Hiền

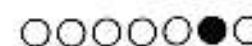
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập ROBOT công nghiệp (207617) - 04

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	13138042	Quách Đình Dũng	DH13TD					3,0	3,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13138002	Trương Quang Đại	DH13TD					4,0	4,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13138060	Phan Hồng Hải	DH13TD					4,5	4,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13138061	Trần Minh Hải	DH13TD					7,0	7,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13138068	Hoàng Minh Hiếu	DH13TD					4,0	4,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13138103	Nguyễn Đình Lân	DH13TD					4,0	4,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13138008	Phan Xuân Liêm	DH13TD					3,0	3,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13138009	Nguyễn Kim Hải Long	DH13TD					3,0	3,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13138260	Hoàng Đức Lương	DH13TD					6,5	6,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13138117	Nguyễn Quốc Mạnh	DH13TD					6,0	6,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13138011	Trần Nhật Nghĩa	DH13TD					9,0	9,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13138129	Trương Văn Ngọc	DH13TD					3,0	3,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13138165	Mun Hồng Quân	DH13TD					5,5	5,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13138185	Lê Duy Tân	DH13TD					4,0	4,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13138190	Trần Văn Tân	DH13TD							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13138210	Trương Văn Thoại	DH13TD					9,0	9,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13138219	Hồ Tiệp	DH13TD					8,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13138248	Nguyễn Thanh Tú	DH13TD					8,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập ROBOT công nghiệp (207617) - 04

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13138020	Trần Thanh Tuấn	DH13TD					7,0	7,0	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	13138254	Phạm Văn Việt	DH13TD					5,5	5,5	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: 19

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Quang Hiền

Lê Văn Bân

Lê Quang Hiền



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập ROBOT công nghiệp (207617) - 05

CRGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12138027	Lương Thế Anh	DH12TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
2	12138011	Ngô Nhật Anh	DH12TD					6,0	6,0	0012345678910	0123456789
3	13138001	Hoàng Văn Dũng	DH13TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
4	13138080	Huỳnh Lê Phúc	DH13TD					3,0	3,0	0012345678910	0123456789
5	13138079	Nguyễn Trần Minh	DH13TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
6	13138085	Hoàng Thanh	DH13TD							0012345678910	0123456789
7	13138089	Tô Văn Hưng	DH13TD					3,0	3,0	0012345678910	0123456789
8	12138126	Nguyễn Duy Khương	DH12TD					3,0	3,0	0012345678910	0123456789
9	13138098	Vũ Văn Khương	DH13TD					4,5	4,5	0012345678910	0123456789
10	12138044	Phạm Phúc Nha	DH12TD					3,0	3,0	0012345678910	0123456789
11	13138154	Huỳnh Văn Phúc	DH13TD							0012345678910	0123456789
12	13138166	Ngô Nguyễn Minh Quân	DH13TD					4,5	4,5	0012345678910	0123456789
13	12138127	Phan Thanh Quí	DH12TD					3,0	3,0	0012345678910	0123456789
14	13138192	Phạm Văn Thanh	DH13TD					3,0	3,0	0012345678910	0123456789
15	13138199	Trịnh Viết Thành	DH13TD					3,0	3,0	0012345678910	0123456789
16	13138220	Trương Tấn Tinh	DH13TD					3,0	3,0	0012345678910	0123456789
17	13138231	Lê Minh Trọng	DH13TD					4,0	4,0	0012345678910	0123456789
18	12138103	Phạm Văn Trường	DH12TD					3,0	3,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập ROBOT công nghiệp (207617) - 05

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13138238	Ngô Vũ Minh Tuấn	DH13TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
20	13138240	Phạm Anh Tuấn	DH13TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 02

Hiện diện: 18

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Quang Hiền

Lê Văn Đan

Lê Quang Hiền

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Công nghệ bảo dưỡng & SC ôtô (207705) - 001 DH13OT 01 Số Tin Ch. 3

Ngày Thi: 31/12/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi: TV301 Giảng viên: Thi Hồng Xuân

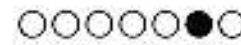
Lớp **DH130T (Công nghệ kĩ thuật ô tô)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13154002	Bùi Tuấn Anh	DH13OT			06	08	30	4,4	0012345678910	0123456789
2	13154075	Nguyễn Hồng Bảo	DH13OT			18	10	24	5,2	0012345678910	0123456789
3	13154004	Võ Quốc Bảo	DH13OT			14	08	45	6,8	0012345678910	0123456789
4	13154076	Huỳnh Đức Bình	DH13OT			12	14	42	6,8	0012345678910	0123456789
5	13154005	Lưu Công Chi	DH13OT			06	12	24	4,2	0012345678910	0123456789
6	13154006	Hoàng Minh Chương	DH13OT			08	10	45	6,3	0012345678910	0123456789
7	13154089	Phạm Việt Cường	DH13OT			12	06	18	3,6	0012345678910	0123456789
8	13154090	Vũ Văn Cường	DH13OT			00	10	30	4,0	0012345678910	0123456789
9	13154007	Nguyễn Huỳnh Duy	DH13OT			08	10	54	7,2	0012345678910	0123456789
10	13154008	Võ Thanh Duy	DH13OT			10	12	27	4,9	0012345678910	0123456789
11	13154091	Nguyễn Đình Dương	DH13OT			10	12	36	5,8	0012345678910	0123456789
12	13154009	Nguyễn Đức Dương	DH13OT			12	12	27	5,1	0012345678910	0123456789
13	12154067	Nguyễn Minh Dương	DH12OT			12	06	33	5,1	0012345678910	0123456789
14	13154012	Nguyễn Văn Diễm	DH13OT			10	10	35	5,5	0012345678910	0123456789
15	13154095	Nguyễn Hữu Đoàn	DH13OT			12	12	33	5,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204296



Trang 2/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Công nghệ bảo dưỡng & SC ôtô (207705) - 001_DH13OT_01 Số Tin Ch 3

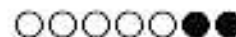
Ngày Thi 31/12/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV301 Giảng viên: Thi Hồng Xuân

Lớp DH12OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô) Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	12154215	Bùi Đức Giang	DH12OT			12	10	36	5,8	0012345678910	0123456789
17	13154098	Lê Trường Giang	DH13OT			14	12	18	4,4	0012345678910	0123456789
18	13154014	Cao Xuân Giáp	DH13OT			08	08	33	4,9	0012345678910	0123456789
19	13154101	Hứa Phú Hải	DH13OT			08	12	42	6,2	0012345678910	0123456789
20	13154015	Nguyễn Tấn Hải	DH13OT			08	04	30	4,2	0012345678910	0123456789
21	12154004	Hồ Đức Hạnh	DH12OT			12	06	30	4,8	0012345678910	0123456789
22	13154017	Nguyễn Văn Hậu	DH13OT							0012345678910	0123456789
23	13154106	Phan Văn Hậu	DH13OT			20	08	24	5,2	0012345678910	0123456789
24	13154018	Hồ Thanh Hết	DH13OT			10	12	27	4,9	0012345678910	0123456789
25	13154019	Lê Thị Minh Hiền	DH13OT			12	06	33	5,1	0012345678910	0123456789
26	13154108	Đỗ Minh Hiếu	DH13OT			12	12	36	6,0	0012345678910	0123456789
27	12154123	Võ Thanh Hùng	DH12OT			14	06	24	4,4	0012345678910	0123456789
28	12154087	Mã Nhật Huy	DH12OT			10	06	21	3,7	0012345678910	0123456789
29	13154125	Trần Khải Hưng	DH13OT			08		27	3,5	0012345678910	0123456789
30	13154024	Lại Thị Hương	DH13OT			12	12	36	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204296



Trang 3/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Công nghệ bảo dưỡng & SC ô tô (207705) - 001_DH13OT_01 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 31/12/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV301 Giảng viên: Thi Hồng Xuân

Lớp DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô) Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13154026	Trần Văn Khả	DH13OT			08	08	57	7,3	0012345678910	0123456789
32	13154127	Võ Quốc Khải	DH13OT			1	08	18	2,6	0012345678910	0123456789
33	13154126	Nguyễn Vũ Khang	DH13OT			08	12	30	5,0	0012345678910	0123456789
34	12154119	Nguyễn Đăng Khoa	DH12OT			14	08	42	6,4	0012345678910	0123456789
35	13154131	Nguyễn Đăng Khoa	DH13OT			14	12	36	6,2	0012345678910	0123456789
36	13154027	Nguyễn Lê Khoa	DH13OT			10	12	27	4,9	0012345678910	0123456789
37	13154030	Phạm Văn Lâm	DH13OT			12	12	27	5,1	0012345678910	0123456789
38	12154237	Nguyễn Chính Lâm	DH12OT			12	10	27	4,9	0012345678910	0123456789
39	13154141	Nguyễn Thành Long	DH13OT			08	14	27	4,9	0012345678910	0123456789
40	13154032	Trương Thành Long	DH13OT			14	10	33	5,7	0012345678910	0123456789
41	13154142	Cà Thanh Lộc	DH13OT			12	10	27	4,9	0012345678910	0123456789
42	13154145	Huỳnh Ngọc Lợi	DH13OT			10	14	57	8,1	0012345678910	0123456789
43	13154147	Nguyễn Văn Minh	DH13OT			06	10	45	6,1	0012345678910	0123456789
44	13154037	Nguyễn Văn Nam	DH13OT			08	12	27	4,7	0012345678910	0123456789
45	13154149	Võ Tấn Nga	DH13OT			12	12	36	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204296



Trang 4/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Công nghệ bảo dưỡng & SC ô tô (207705) - 001_DH130T_01 Số Tín Ch 3

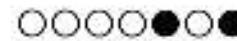
Ngày Thi 31/12/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV301 Giảng viên: ThS Hồng Xuân

Lớp DH130T (Công nghệ kỹ thuật ô tô) Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ. Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	13154039	Nguyễn Văn Nghĩa	DH130T			12	12	27	5,1	0012345678910	0123456789
47	13154041	Phạm Hoàng Nhu	DH130T			14	10	39	5,3	0012345678910	0123456789
48	13154042	Nguyễn Văn Phi	DH130T			18	14	39	7,1	0012345678910	0123456789
49	13154043	Nguyễn Hữu Phong	DH130T			10	10	33	5,3	0012345678910	0123456789
50	13154046	Văn Vũ Hoàng Phúc	DH130T			12	06	33	5,1	0012345678910	0123456789
51	13154047	Hà Anh Quân	DH130T			16	12	39	6,7	0012345678910	0123456789
52	13154048	Phạm Hữu Quý	DH130T			20	12	24	5,6	0012345678910	0123456789
53	13154163	Đào Trần Phú	DH130T			08	08	30	4,6	0012345678910	0123456789
54	13154166	Trần Văn Sáu	DH130T			12	08	51	7,1	0012345678910	0123456789
55	13154167	Nguyễn Trần Anh Sơn	DH130T			16	16	51	8,3	0012345678910	0123456789
56	13154050	Ngô Văn Sự	DH130T			12	10	39	6,1	0012345678910	0123456789
57	13154052	Lê Trung Tá	DH130T			12	12	51	7,5	0012345678910	0123456789
58	13154051	Ngô Tấn Tài	DH130T			14	10	36	6,0	0012345678910	0123456789
59	12154246	Nguyễn Thành Tấn	DH120T			14	10	33	5,7	0012345678910	0123456789
60	13154174	Trần Duy Thanh	DH130T			12	12	45	6,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204296



Trang 5/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Công nghệ bảo dưỡng & SC ôtô (207705) - 001_DH13OT_01 Số Tín Ch 3

Ngày Thi 31/12/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV301 Giảng viên: Thi Hồng Xuân

Lớp DH12OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô) Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	12154021	Trần Văn Thăng	DH12OT			08	14	33	5,5	0012345678910	0123456789
62	12154185	Nguyễn Văn Thiện	DH12OT			12	10	39	6,1	0012345678910	0123456789
63	13154055	Trương Ngọc Thiện	DH13OT			08	12	30	5,0	0012345678910	0123456789
64	13154059	Nguyễn Minh Thông	DH13OT			08	08	27	4,3	0012345678910	0123456789
65	13154183	Nguyễn Văn Thơm	DH13OT			12	10	30	5,2	0012345678910	0123456789
66	13154060	Nguyễn Lâm Thuận	DH13OT			12	10	27	4,9	0012345678910	0123456789
67	12154177	Nguyễn Thánh Thuận	DH12OT			12	10	24	4,6	0012345678910	0123456789
68	13154186	Lê Minh Tiên	DH13OT			12	14	33	5,9	0012345678910	0123456789
69	13154062	Huỳnh Quang Trọng	DH13OT			14	12	24	5,0	0012345678910	0123456789
70	13154065	Nguyễn Văn Trung	DH13OT			14	08	27	4,9	0012345678910	0123456789
71	13154201	Trần Anh Tuấn	DH13OT			00	1	36	3,6	0012345678910	0123456789
72	13154205	Nguyễn Văn út	DH13OT			12	12	27	5,1	0012345678910	0123456789
73	13154067	Phạm Trình Hoàng Văn	DH13OT			14	12	36	6,2	0012345678910	0123456789
74	13154207	Vô Thanh Văn	DH13OT			18	08	60	8,6	0012345678910	0123456789
75	13154068	Phạm Hiền Vinh	DH13OT			08	06	51	6,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204296



Trang 6/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học\ Nhóm Công nghệ bảo dưỡng & SC ôtô (207705) - 001_DH13OT_01 Số Tín Ch 3

Ngày Thi 31/12/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV301 Giảng viên: Thi Hồng Xuân

Lớp DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô) Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi: 74 Số sinh viên vắng: 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

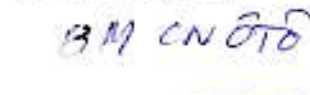
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


N. V. Kiệp


Thi Hồng Xuân


Thi Hồng Xuân

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

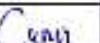
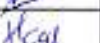
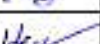
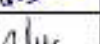
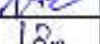
Hoc kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Công nghệ bảo dưỡng & SC ôtô (207705) - 001 DH13OT 02 Số Tin Ch 3

Ngày Thi: 31/12/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi: RD103 Giảng viên: Thi Hồng Xuân

Lớp **DH130T (Công nghệ kĩ thuật ô tô)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13154001	Võ Trường An	DH130T			16	14	45	7,5	0012345678910	0123456789
2	13154078	Nguyễn Thái Bình	DH130T			14	08	18	4,0	0012345678910	0123456789
3	13154083	Phan Văn Châu	DH130T							0012345678910	0123456789
4	13154084	Trần Xuân Châu	DH130T			16	1	48	6,4	0012345678910	0123456789
5	13154088	Đào Thế Cường	DH130T			16	10	39	6,5	0012345678910	0123456789
6	13154104	Lê Hữu Hải	DH130T			18	08	27	5,3	0012345678910	0123456789
7	13154020	Đậu Ngọc Hiếu	DH130T			14	10	30	5,4	0012345678910	0123456789
8	13154021	Trần Đức Hiếu	DH130T			06	08	30	4,4	0012345678910	0123456789
9	13154111	Hoàng Ngọc Hoài	DH130T			06	14	39	5,9	0012345678910	0123456789
10	13154023	Nguyễn Thanh Minh	DH130T			14	10	27	5,1	0012345678910	0123456789
11	13154123	Phạm Hùng	DH130T			06	04	27	3,7	0012345678910	0123456789
12	13154025	Nguyễn Đoàn Khang	DH130T			06	12	21	3,9	0012345678910	0123456789
13	13154029	Huỳnh Vũ Kiệt	DH130T			06	08	21	3,5	0012345678910	0123456789
14	13154135	Nguyễn Tấn Lâm	DH130T			14	10	45	6,9	0012345678910	0123456789
15	13154139	Nguyễn Đức Linh	DH130T			06	08	36	5,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204297



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Công nghệ bảo dưỡng & SC ô tô (207705) - 001_DH13OT_02 Số Tín Ch: 3

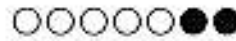
Ngày Thi 31/12/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi RD103 Giảng viên: Thi Hồng Xuân

Lớp DH12OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô) Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D. Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	12154166	Đinh Văn Lợi	DH12OT			08	12	30	5,0	0012345678910	0123456789
17	13154144	Đoàn Lợi	DH13OT			08	04	18	3,0	0012345678910	0123456789
18	12154239	Nguyễn Văn Luận	DH12OT			06	1	12	1,8	0012345678910	0123456789
19	13154035	Châu Vĩnh Minh	DH13OT			16	06	54	7,6	0012345678910	0123456789
20	13154036	Nguyễn Hoàng Minh	DH13OT			18	10	18	4,6	0012345678910	0123456789
21	13154157	Lê Hồng Phong	DH13OT			12	10	21	4,3	0012345678910	0123456789
22	13154044	Nguyễn Thành Phúc	DH13OT			12	08	33	5,3	0012345678910	0123456789
23	13154045	Tăng Hồng Phúc	DH13OT			08	14	21	4,3	0012345678910	0123456789
24	13154158	Nguyễn Hoài Phương	DH13OT			12	10	21	4,3	0012345678910	0123456789
25	13154161	Thượng Minh Quang	DH13OT			16	14	21	5,1	0012345678910	0123456789
26	12154164	Trần Xuân Quang	DH12OT							0012345678910	0123456789
27	13154049	Nguyễn Văn Sang	DH13OT			16	06	18	4,0	0012345678910	0123456789
28	12154172	Trần Văn Sĩ	DH12OT			10	12	39	6,1	0012345678910	0123456789
29	13154053	Hà Chí Thanh	DH13OT			08	14	30	5,2	0012345678910	0123456789
30	13154054	Lê Minh Thiện	DH13OT			12	08	21	4,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204297



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Công nghệ bưu đường & SC ô tô (207705) - 001_DH13OT_02 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 31/12/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi RD103 Giảng viên: Thi Hồng Xuân

Lớp DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô) Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Đ.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13154056	Vũ Hoàn Thiện	DH13OT			08	06	27	4,1	001234567890	0123456789
32	13154185	Đinh Ngọc Thúc	DH13OT			18	12	33	6,3	001234567890	0123456789
33	13154187	Phạm Trung Tín	DH13OT			16	08	39	6,3	001234567890	0123456789
34	13154188	Nguyễn Duy Trần	DH13OT			12	14	48	7,4	001234567890	0123456789
35	13154063	Trần Minh Trí	DH13OT			12	06	30	4,8	001234567890	0123456789
36	13154194	Nguyễn Nhật Trường	DH13OT			06	06	24	3,6	001234567890	0123456789
37	13154066	Nguyễn Tùng	DH13OT			08	04	36	4,8	001234567890	0123456789
38	13154204	Trần Phước Trường	DH13OT			00	08	18	2,6	001234567890	0123456789
39	13154208	Nguyễn Thế Viễn	DH13OT			12	04	24	4,0	001234567890	0123456789
40	13154069	Nguyễn Tuấn Vũ	DH13OT			06	06	27	3,9	001234567890	0123456789
41	13154070	Nguyễn Vũ Hoàng Vũ	DH13OT			00	-	27	2,7	001234567890	0123456789

Số sinh viên dự thi 41 Số sinh viên vắng 29

Ngày 7 Tháng 2 Năm 2017

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Tuấn

Cheng
Phạm Quang Thắng

Thị Hồng Xuân

Thị Hồng Xuân